LỜI CAM ĐOAN:

Xem qua 20 mẫu

https://baocaothuctap.net/loi-cam-doan-trong-bao-cao-thuc-tap/

Em xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng em . Các số liệu và kết quả nghiên cứu là trung thực.

TP.HCM, ngày….tháng 04 năm 2022.

Tác giả chuyên đề thực tập tốt nghiệp:

LỜI CẢM ƠN

XEM 20 MẪU LỜI CẢM ƠN TẠI

https://baocaothuctap.net/loi-cam-on-khoa-luan-tot-nghiep/

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Tư vấn Kế toán Thanh Trí, em đã có dịp ôn lại kiến thức học tại trường đồng thời hiểu rõ hơn về quy cách làm việc thực tế, học hỏi được nhiều kinh nghiệm về làm báo cáo tài chính tài chính và kê khai thuế. Đây là kiến thức bổ ích giúp cho công việc sau này.

Em xin gửi lời tri ân sâu sắc đến quý thầy cô trường Đại học Sài Gòn, các thầy cô khoa Tài chính - Kế toán đã truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho em trong quá trình học tập.

Em xin chân thành cảm ơn TS Ngô Văn Tuấn đã hướng dẫn em trong suốt quá trình làm bài báo cáo thực tập.

Do giới hạn về trình độ, kinh nghiệm và thời gian tìm hiểu thực tế, vì vậy bài làm của em không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến và chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo và các anh chị tại công ty để bài báo cáo thêm hoàn thiện.

Em xin kính chúc quý thầy cô, ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên của công ty mạnh khoẻ, hạnh phúc và gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên thực tập

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

TP. Hồ Chí Minh, ngày…….tháng ……..năm 2022

GVHD

NHẬN XÉT CỦA CÔNG TY THỰC TẬP

TP. Hồ Chí Minh, ngày…….tháng ……..năm 2022

Giám đốc

MỤC LỤC

THAM KHẢO 10 ĐỀ CƯƠNG ĐỀ TÀI NÀY TẠI

https://baocaothuctap.net/de-cuong-chi-tiet-phan-tich-bao-cao-tai-chinh/

LỜI CAM ĐOAN:

LỜI CẢM ƠN ii

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN iii

NHẬN XÉT CỦA CÔNG TY THỰC TẬP iv

MỤC LỤC v

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT ix

DANH MỤC BẢNG BIỂU x

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ xi

LỜI MỞ ĐẦU xii

CHƯƠNG 1:CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1

1.1.1 Khái niệm phân tích tài chính doanh nghiệp 1

1.1.2 Chức năng và vai trò của phân tích tài chính doanh nghiệp 1

1.1.3 Mục đích của phân tích phân tích tình hình tài chính. 2

1.2 TÀI LIỆU DÙNG LÀM CĂN CỨ ĐỂ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP. 3

1.2.1 Bảng cân đối kế toán 3

1.2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. 4

1.2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. 4

1.2.4 Thuyết minh báo cáo tài chính 4

1.3 CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH SỬ DỤNG CHỦ YẾU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 5

1.3.1 Phương pháp so sánh 5

1.3.2 Phương pháp phân tích tỷ lệ 5

1.4 NỘI DUNG PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 6

1.4.1. Phân tích khái quát bảng cân đối kế toán 6

1.4.2. Phân tích khái quát bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7

1.5. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH QUA CÁC NHÓM CHỈ TỶ SỐ TÀI CHÍNH 9

1.5.1. Phân tích nhóm tỷ số thanh toán: 9

1.5.2 Phân tích tỷ số hiệu quả hoạt động 11

1.5.3 Phân tích tỷ số quản lý nợ . 13

1.5.4 Phân tích khả năng sinh lời 15

1.6.PHÂN TÍCH DUPONT 16

1.7.MỘT SỐ CHÚ Ý KHI PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH: 17

TÓM TẮT CHƯƠNG 1 18

CHƯƠNG 2:PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN THANH TRÍ 20

2.1 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN THANH TRÍ 20

2.1.1 Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty TNHH tư vấn kế toán Thanh Trí 20

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ hoạt động 22

2.1.2.1 Chức năng 22

2.1.2.2 Nhiệm vụ 22

2.1.3 Cơ cấu tổ chức của công ty 22

2.1.4 Tình hình hoạt động chung của công ty 26

2.2 PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN THANH TRÍ 26

2.2.1 Đánh giá khái quát tình hình tài chính 26

2.2.1.1 Phân tích khái quát bảng cân đối kế toán của công ty 26

2.2.1.2 Phân tích khái quát bảng kết quả hoạt động kinh doanh 36

2.2.2 Phân tích hoạt động tài chính của công ty thông qua các tỷ số tài chính 39

2.2.2.1 Phân tích nhóm tỷ số thanh toán 39

2.2.2.3. Phân tích tỷ số quản lý nợ : 46

2.2.2.4 Phân tích khả năng sinh lời 48

2.2.2.5. Phân tích Dupont 50

2.3 NHẬN XÉT CHUNG 52

2.3.1 Ưu điểm 52

2.3.2 Hạn chế 53

TÓM TẮT CHƯƠNG 2 54

CHƯƠNG 3:GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - KẾ TOÁN THANH TRÍ 55

3.1 VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH 55

3.2 . GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY 55

3.2.1 Về tình hình đầu tư 55

3.2.2 Về tình hình huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn 56

3.2.2.1 Về tình hình huy động vốn 56

3.2.2.2 Về hiệu quả sử dụng vốn 58

3.2.3 Về quản lý thanh toán 59

3.2.4 Về chính sách bán chịu để tăng doanh thu 60

3.2.5 Về quản lý chi phí 62

3.2.6 Về vấn đề nâng cao lợi nhuận 63

3.2.7 Về tình hình phân phối lợi nhuận 64

3.2.8 Về tình hình bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh 64

3.3 KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - KẾ TOÁN THANH TRÍ 64

3.3.1 Về công tác quản lý 64

3.3.2 Về công tác kế toán 65

3.3.3 Một số kiến nghị về thực hiện phân tích hoạt động tài chính 65

3.4 KIẾN NGHỊ VỚI NHÀ NƯỚC 66

TÓM TẮT CHƯƠNG 3: 67

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC:

XEM BÀI VIẾT VỀ DỊCH VỤ VIẾT BÁO CÁO THỰC TẬP NHƯ THẾ NÀO TẠI

https://baocaothuctap.net/

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tổng quát hiệu quả kinh doanh của công ty 26

Bảng 2.2: Bảng so sánh tài sản, nguồn vốn giữa các năm 2019, 2020, 2021 27

Bảng 2.3: Bảng phân tích cơ cấu tài sản 28

Bảng 2.4: Bảng phân tích cơ cấu TSLĐ và đầu tư ngắn hạn……..29

Bảng 2.5: Bảng phân tích tài sản cố định và đầu tư ngắn hạn …….31

Bảng 2.6: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn của công ty 32

Bảng 2.7: Bảng phân tích tỷ suất tự tài trợ và tỷ suất nợ 34

Bảng 2.8: Phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh 36

Bảng 2.9: Bảng phân tích tình hình nợ công ty 39

Bảng 2.10: Bảng phân tích tình hình khả năng thanh toán 40

Bảng 2.11: Bảng phân tích hiệu quả sử dụng hàng tồn kho 43

Bảng 2.12: Bảng phân tích vòng quay các khoản phải thu 44

Bảng 2.13: Bảng phân tích vòng quay tài sản 45

Bảng 2.14 : Bảng phân tích tỷ số quản lý nợ : 47

Bảng 2.15 : Bảng phân tích tỷ số khả năng trả lãi 48

Bảng 2.16: Bảng phân tích tình hình lợi nhuận 49

Bảng 2.17: Phân tích các nhân tố tác động đến ROE 51

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 2.1:Sơ đồ cơ cấu tổ chức Cty TNHH Tư Vấn – Kế Toán Thanh Trí 23

Biểu đồ 2.1: Biểu đồ cơ cấu và tăng trưởng tài sản công ty 32

Biểu đồ 2.2: Biểu đồ cơ cấu và tăng trưởng nguồn vốn công ty 35

Biểu đồ 2.3: Biểu đồ so sánh khả năng thanh toán của công ty 40

Biểu đồ 2.4 : Biểu đồ thể hiện vòng quay tài sản 46

Biểu đồ 2.5: Biểu đồ đánh giá tình hình lợi nhuận công ty 50

Biểu đồ 2.6: Biểu đồ cơ cấu doanh thu qua các năm 53

LỜI MỞ ĐẦU

THAM KHẢO THÊM LỜI MỞ ĐẦU PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

https://baocaothuctap.net/loi-mo-dau-trong-bao-cao-tai-chinh/

Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường mỗi doanh nghiệp là một tế bào kinh tế, là một đơn vị độc lập tiến hành quá trình sản xuất kinh doanh để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội nhằm thực hiện các mục tiêu về lợi nhuận. Vì vậy, tối đa hóa lợi nhuận là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của doanh nghiệp. Muốn vậy, doanh nghiệp cần phải nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, quản lý và sử dụng tốt nguồn tài nguyên vật chất cũng như nhân lực của mình để có những quyết sách, chiến lược phù hợp.

Phân tích hoạt động tài chính là công việc thường xuyên và vô cùng cần thiết không những đối với chủ sở hữu doanh nghiệp mà còn cần thiết đối với tất cả các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp có quan hệ về kinh tế và pháp lý với doanh nghiệp. Đánh giá được đúng thực trạng tài chính, doanh nghiệp sẽ đưa ra các quyết định kinh tế thích hợp, sử dụng một cách tiết kiệm và có hiệu quả vốn và các nguồn lực; nhà đầu tư có quyết định đúng đắn với sự lựa chọn đầu tư của mình; các chủ nợ được đảm bảo về khả năng thanh toán của doanh nghiệp đối với khoản cho vay; nhà cung cấp và khách hàng đảm bảo được việc doanh nghiệp sẽ thực hiện các cam kết

đặt ra; các cơ quan quản lý Nhà nước có được các chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đồng thời kiểm soát được hoạt động của doanh nghiệp bằng pháp luật.

Báo cáo tài chính là sản phẩm cuối cùng của công tác kế toán được xem như tấm gương phản ánh toàn diện về tình hình tài chính, khả năng và sức mạnh của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Do đó, việc trình bày các báo cáo tài chính một cách trung thực và khách quan sẽ là điều kiện tiên quyết để phân tích chính xác hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích hoạt động tài chính và đánh giá thực trạng tài chính của một doanh nghiệp em đã chọn đề tài: **"Phân tích hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Thanh Trí ".**

Mục đích nghiên cứu

Thực hiện đề tài này với mục đích nghiên cứu hoạt động tài chính của công ty thông qua phân tích tài chính. Trên cơ sở đó đánh giá và đưa ra những giải pháp thích hợp để gia tăng nguồn vốn công ty và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động tài chính của Công ty TNHH Tư vấn kế toán Thanh Trí, Bảng cân đối kế toán, Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp, so sánh và phân tích chi tiết báo cáo tài chính của công ty.

Phạm vi nghiên cứu

Đề tài giới hạn trong phạm vi hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Tư vấn kế toán Thanh Trí thông qua các số liệu thống kê trong Bảng cân đối kế toán, Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ năm 2019 đến năm 2021.

Kết cấu đề tài

Đề tài hoàn thành với nội dung 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp.

Chương 2: Phân tích hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Tư vấn kế toán Thanh Trí.

Chương 3: Giải pháp nâng cao năng lực tài chính của Công ty TNHH Tư vấn kế toán Thanh Trí.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

XEM CÁC MẪU CƠ SỞ LÝ LUẬN KHÁC TẠI

https://baocaothuctap.net/co-so-ly-luan-phan-tich-bao-cao-tai-chinh/

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1.1.1 Khái niệm phân tích tài chính doanh nghiệp

Phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp là quá trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp bao gồm việc xem xét, kiểm tra về nội dung, thực trạng kết cấu các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hiện hành và quá khứ; từ đó so sánh, đối chiếu tìm ra năng lực, nguồn tài chính tiềm tàng và hướng phát triển tài chính của doanh nghiệp nhằm xác lập các giải pháp khai thác, sử dụng nguồn tài chính hiệu quả [1].

Quy trình thực hiện phân tích tài chính ngày càng được áp dụng rộng rãi trong mọi đơn vị kinh tế được tự chủ nhất định về tài chính như các doanh nghiệp thuộc mọi hình thức, được áp dụng trong các tổ chức xã hội, tập thể và các cơ quan quản lý, tổ chức công cộng. Đặc biệt, sự phát triển của các doanh nghiệp, các ngân hàng và của thị trường vốn đã tạo nhiều cơ hội để phân tích tài chính chứng tỏ thực sự có ích và vô cùng cần thiết.

1.1.2 Chức năng và vai trò của phân tích tài chính doanh nghiệp

Phân tích hoạt động tài chính của công ty giữ một vai trò cực kỳ quan trọng không thể thiếu được trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Phân tích hoạt động tài chính cũng có các công cụ và kỹ thuật khác giúp nhà phân tích, nhà quản trị công ty kiểm tra lại các báo cáo tài chính đã qua và hiện hành để có định hướng phát triển

hoạt động kinh doanh trong tương lai [2]. Phân tích hoạt động tài chính nhằm đạt được các mục đích chủ yếu như sau:

Cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin về tài chính cho chủ sở hữu, người cho vay, nhà đầu tư, ban lãnh đạo công ty để họ có những quyết định đúng đắn trong tương lai để đạt được hiệu quả cao nhất trong điều kiện hữu hạn về nguồn lực kinh tế.

Phải đánh giá đúng thực trạng của công ty trong kỳ báo cáo về vốn, tài sản, mật độ, hiệu quả của việc sử dụng vốn và tài sản hiện có, tìm ra sự tồn tại và nguyên nhân của sự tồn tại đó để có biện pháp phù hợp trong kỳ dự toán để có những chính sách điều chỉnh thích hợp nhằm đạt được mục tiêu mà công ty đã đặt ra.

Cung cấp thông tin về tình hình huy động vốn, các hình thức huy động vốn, chính sách vay nợ, mật độ sử dụng đòn bẩy kinh doanh, đòn bẩy tài chính với mục đích làm gia tăng lợi nhuận trong tương lai. Kết quả phân tích tài chính phục vụ cho những mục đích khác nhau của nhiều đối tượng sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính

1.1.3 Mục đích của phân tích phân tích tình hình tài chính.

Phân tích hoạt động tài chính đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của nhiều đối tượng quan tâm đến những khía cạnh khác nhau về tài chính để phục vụ cho các mục đích của mình.

- Đối với các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp mối quan tâm hàng đầu của họ là tìm kiếm lợi nhuận và khả năng trả nợ. Một doanh nghiệp bị lỗ liên tục, sẽ bị cạn kiệt nguồn lực và buộc phải đóng cửa. Mặt khác nếu doanh nghiệp không có khả năng thanh toán cũng buộc phải đóng cửa [2].

- Đối với chủ ngân hàng và các nhà cho vay tín dụng mối quan tâm hàng đầu của họ chủ yếu là khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Vì vậy họ đặc biệt quan tâm đến lượng tiền và các khoản có thể chuyển nhanh thành tiền, từ đó so sánh với nợ

vay ngắn hạn để biết được khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các chủ ngân hàng và các nhà cho vay tín dụng cũng rất quan tâm đến vốn chủ sở hữu, bởi vì số vốn này là khoản bảo hiểm cho họ trong trường hợp doanh nghiệp bị rủi ro [2].

- Đối với nhà cung ứng vật tư hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp họ phải quyết định xem có cho phép khách hàng sắp tới được mua chịu hay không, họ cần biết được khả năng thanh toán của doanh nghiệp hiện tại, và trong thời gian sắp tới.

- Đối với các nhà đầu tư, mối quan tâm của họ là thời gian hòa vốn, mức sinh lãi, và sự rủi ro.Vì vậy họ cần các thông tin về điều kiện tài chính, tình hình hoạt động, hiệu quả kinh doanh và tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp. Ngoài ra, các cơ quan tài chính thống kê, thuế, cơ quan chủ quản, các nhà phân tích tài chính hoạch định chính sách người lao động … cũng quan tâm đến thông tin tài chính của doanh nghiệp [2].

Như vậy, có thể nói mục tiêu quan trọng nhất của phân tích hoạt động tài chính là giúp ra quyết định lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu và đánh giá chính xác thực trạng, tiềm năng của doanh nghiệp.

1.2 TÀI LIỆU DÙNG LÀM CĂN CỨ ĐỂ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP.

1.2.1 Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tài sản hiện có và nguồn vốn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

Mẫu bảng cân đối kế toán (rút gọn) của Bộ tài chính: Mẫu số B01 – DN (*QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)(Phụ lục 01).*

Bảng cân đối kế toán thường có kể cấu hai phần:

+ Phần tài sản: phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo theo cơ cấu tài sản và hình thức tồn tại trong quá trình hoạt động

kinh doanh của doanh nghiệp. Tài sản được chia làm hai phần: tài sản ngắn hạn (tính thanh khoản cao) và tài sản dài hạn (tính thanh khoản thấp).

+ Phần nguồn vốn: phản ánh nguồn hình thành tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo. Các chỉ tiêu nguồn vốn thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp đối với tài sản đang quản lý và sử dụng tại doanh nghiệp. Nguồn vốn được chia thành: Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.

Mỗi phần của bảng cân đối kế toán đều dược phản ánh theo bốn cột: Mã số, thuyết minh, số cuối kỳ, số đầu kỳ (quý, năm)

Nội dung bảng cân đối kế toán phải đáp ứng yêu cầu:

Tổng tài sản = Tổng nguồn vốn

1.2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ở một kỳ kế toán nhất định.Phần này thường bắt đầu từ doanh thu và kết thúc bằng lợi nhuận của doanh nghiệp còn được gọi là báo cáo thu nhập của doanh nghiệp.

Mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (rút gọn) của Bộ tài chính: *Mẫu số B02 – DN (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)(Phụ lục 02).*

1.2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ còn gọi là báo cáo ngân lưu là báo cáo nguồn tạo ra tiền và sử dụng tiền từ ba hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Dựa và báo cáo lưu chuyển tiền tệ ta có thể đánh giá được khả năng tạo ra tiền, sự biến động tài sản thuần,khả năng thanh toán và dự đoán được luồng tiền trong kỳ tiếp theo của doanh nghiệp.

Mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ (rút gọn) của Bộ tài chính: *Mẫu số B01 – DN (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)(Phụ lục 03).*

1.2.4 Thuyết minh báo cáo tài chính

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp, được lập để giải thích bổ sung thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà các bảng báo cáo khác bỏ qua,hay không thể trình bày rõ ràng và chi tiết được [3].

Thuyết minh báo cáo tài chính trình bày khái quát địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, nội dung một số chế độ kế toán được doanh nghiệp lựa chọn để áp dụng, tình hình và lý do biến động của một số đối tượng sản xuất và nguồn vốn quan trọng, phân tích một số chỉ tiêu tài sản chủ yếu và các kiến nghị của doanh nghiệp [3].

Cơ sở số liệu lập thuyết minh báo cáo tài chính là các sổ kế toán kỳ báo cáo, bảng cân đối kế toán kỳ báo cáo, thuyết minh báo cáo kỳ trước.

Tóm lại, để phân tích tình hình tài chính của một doanh nghiệp, các nhà phân tích cần phải đọc và hiểu được các báo cáo tài chính, qua đó họ nhận biết được và tập trung và các chỉ tiêu tài chính liên quan trực tiếp đến mục tiêu phân tích của họ.

1.3 CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH SỬ DỤNG CHỦ YẾU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.3.1 Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh được sử dụng để xác định xu hướng phát triển và mức độ biến động của các chỉ số kinh tế. Khi sử dụng phương pháp này cần chú ý một số điểm sau:

- *Tiêu chuẩn so sánh*: căn cứ so sánh kỳ gốc năm trước (kỳ trước), kế hoạch, trung bình ngành, đối thủ cạnh tranh.
- *Điều kiện so sánh*: đồng nhất về thời gian, không gian và nội dung kinh tế.
- *Mục tiêu so sánh*: số tuyệt đối, số tương đối

Phương pháp so sánh trong phân tích gồm 2 phương pháp:

- *Phương pháp so sánh số tuyệt đối*: là so sánh mức độ đạt được của chỉ tiêu ở những khoảng thời gian khác nhau, không gian khác nhau. Là hiệu số của hai chỉ tiêu: chỉ tiêu kỳ phân tích và chỉ tiêu cơ sở
- *Phương pháp so sánh số tương đối*: là tỷ lệ phần trăm của kỳ phân tích so với chỉ tiêu gốc để thể hiện mức độ hoàn thành hoặc tỷ lệ của số chênh lệch tuyệt đối so với chỉ tiêu gốc để nói lên tốc độ tăng trưởng.

1.3.2 Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính vì nó dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính. Phương pháp tỷ lệ giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách có hệ thống hàng loại tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc theo từng giai đoạn. Qua đó, nguồn thông tin kinh tế và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn [3].

1.4 NỘI DUNG PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.4.1. Phân tích khái quát bảng cân đối kế toán

Phân tích theo chiều ngang của báo cáo so sánh sẽ làm nổi bật biền động về lượng và tỷ lệ của một khoản mục nào đó qua thời gian. Trên cơ sở đó nhà phân tích nhận ra những khoản mục nào đó có biến động lớn cần tập trung phân tích xác định nguyên nhân.

Phân tích theo chiều dọc : Là việc xác định tỷ lệ tương quan giữa các khoản mục trên báo cáo tài chính, qua đó xem xét đánh giá thực chất xu hướng biến động một cách đúng đắn mà phân tích chiều ngang không thể hiện được.

Để thấy được thực trạng về kết quả kinh doanh của Công ty, những người phân tích kết quả kinh doanh cần phải đi sâu vào xem xét sự phân bổ về tỷ trọng của tài sản và nguồn vốn cũng như sự biến động của từng khoản mục trên bảng cân đối kế toán để đánh giá sự phân bổ tài sản và nguồn vốn có hợp lý hay không và xu hướng biến động của ná như thế nào. Tuỳ theo từng loại hình doanh nghiệp mà sự

phân bổ tỷ trọng của từng loại tài sản, nguồn vốn trong tổng số tài sản là cao hay thấp: nếu là doanh nghiệp sản xuất thì tỷ trọng tài sản cố định trong tổng tài sản cao, nếu là doanh nghiệp thương mại thì tỷ trọng tài sản lưu động trong tổng tài sản cao là phù hợp. Do đó ngoài việc so sánh giữa các năm thì cần phải so sánh với mức độ bình quân chung của ngành.

Phần tài sản : Phân tích sự tăng giảm về số tương đối và số tuyệt đối của khoản mục tài sản lưu động và tài sản cố định

Phần nguồn vốn : Phân tích sự biến động tăng giảm của khoản nợ phải trả và nguồn vồn chủ sở hữu.

Ngoài việc xem xét đánh giá tình hình phân bổ vốn ta cần phân tích cơ cấu nguồn vốn để đánh giá khả năng tự tài trợ về mặt tài chính cũng như mức độ tự chủ, chủ động trong kinh doanh và những khó khăn mà doanh nghiệp phải đương đầu.

Đối với nguồn hình thành tài sản cần xem xét tỷ trọng của từng loại chiếm trong tổng số cũng như xu hướng biến động của chúng. Nếu nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao trong tổng số thì doanh nghiệp có đủ khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính và mức độ độc lập của doanh nghiệp đối với chủ nợ là cao. Ngược lại, nếu công nợ phải chiếm chủ yếu trong tổng số thì khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính của doanh nghiệp sẽ thấp [3]. Điều này dễ thấy thông qua chỉ tiêu tỷ suất tự tài trợ

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ} = \frac{\text{Tổng nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Chỉ tiêu này càng cao thì khả năng độc lập càng cao về mặt tài chính hay mức độ tự tài trợ của doanh nghiệp càng tốt bởi vì hầu hết tài sản mà doanh nghiệp hiện có đều được đầu tư bằng số vốn của mình.

$$\text{Tỷ suất nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Tỷ suất nợ cho biết số nợ mà doanh nghiệp phải trả cho các doanh nghiệp hoặc cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ suất này càng nhỏ càng tốt, nó thể hiện khả năng tự chủ về vốn của doanh nghiệp.

Sau khi đánh giá khái quát tình hình tài chính thông qua các phần phân tích chúng ta cần đưa ra một vài nhận xét chung về tình hình tài chính của doanh nghiệp để có cơ sở cho những phân tích tiếp theo.

1.4.2. Phân tích khái quát bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khi phân tích, đầu tiên ta sẽ so sánh một cách khái quát kết quả kinh doanh của đơn vị giữa các kỳ, sau đó đi nào phân tích các nội dung cấu thành nên kết quả kinh doanh để đánh giá xu hướng biến động như thế nào.

Căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh ta lập bảng báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang và chiều dọc. Từ đó ta tiến hành phân tích sự biến động tăng giảm của các khoản mục doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi tức từ hoạt động kinh doanh, kết quả hạot động tài chính, bất thường và khoản mục nhuận trước thuế. Xem xét mối quan hệ đồng thời so sánh tốc độ tăng giảm giữa các khoản mục để có kết luận chính xác về hiệu quả hoạt đông kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân tích bảng KQKD theo chiều ngang: Khi nghiên cứu biến động của mỗi chỉ tiêu nào đó qua các kỳ khác nhau gọi là phân tích theo chiều ngang. Thông qua sự so sánh này cho ta thấy được về sự biến đổi cả về số tương đối và số tuyệt đối của một chỉ tiêu nào đó qua các kỳ liên tiếp [1].

Phân tích bảng KQKD theo chiều dọc: Khi nghiên cứu một sự kiện nào đó trong tổng thể về một chỉ tiêu kinh tế nào đó gọi là phân tích theo chiều dọc. Thông qua sự so sánh này cho ta thấy được tỷ trọng của sự kiện kinh tế trong tổng thể [1].

Để tiến hành phân tích các khoản mục trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ta phải nghiên cứu từng khoản mục để theo dõi sự biến động của nó. Các khoản mục chủ yếu gồm:

- *Doanh thu*: đó là thu nhập mà doanh nghiệp nhận được qua hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu thuần là doanh thu đã trừ các khoản giảm trừ. Đây là một trong những chỉ tiêu có ý nghĩa nhất đối với tình trạng của một doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường [4].
- *Giá vốn hàng bán*: Đây là một chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng giá trị mua hàng hoá, giá thành sản xuất của sản phẩm, dịch vụ đã bán. Giá trị là yếu tố lớn quyết định khả năng cạnh tranh và mức kết quả của doanh nhgiệp. Trong trường hợp doanh nghiệp có vấn đề đối với giá vốn hàng bán, thì ta phải theo dõi và phân tích từng cấu phần của nó: nhân công trực tiếp, nguyên vật liệu trực tiếp, năng lượng…
- *Lãi gộp*: Là doanh thu trừ giá vốn hàng bán. Chỉ tiêu này tiến triển phụ thuộc vào cách biến đổi của các thành phần của nó. Nếu phân tích rõ những chỉ tiêu trên, doanh nghiệp sẽ hiểu được mức độ và sự biến động của chỉ tiêu này.
- *Chi phí bán hàng*: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.
- *Chi phí quản lý kinh doanh*: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý đều hành chung của toàn doanh nghiệp.
- *Chi phí tài chính*: Đối với những đơn vị chưa có hoạt động tài chính hoặc có nhưng yếu, thì có thể xem chi phí tài chính là lãi vay.
- *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh*: Chỉ tiêu tổng hợp này là kết quả của tất cả các chỉ tiêu trên. Khi phân tích kỹ các chỉ tiêu trên, ta hiểu được sự tiến triển của chỉ tiêu này và rút ra được những kinh nghiệm nhằm tối đa hoá lợi nhuận.
- *Tổng lợi nhuận trước và sau thuế*: Là chỉ tiêu tổng hợp, tóm tắt bảng báo cáo kết quả kinh doanh. Đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất của doanh nghiệp. Vì lợi nhuận là mục đích của các doanh nghiệp trong

kinh tế thị trường, nên chỉ tiêu này được dùng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, của ban lãnh đạo.

1.5. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH QUA CÁC NHÓM CHỈ TỶ SỐ TÀI CHÍNH

1.5.1. Phân tích nhóm tỷ số thanh toán:

❖ **Tỷ số thanh toán hiện hành :** Là một trong những thước đo thanh toán của một doanh nghiệp sử dụng rộng rãi nhất là khả năng thanh toán hiện hành theo công thức:

$$\text{Tỷ số thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu này cho biết với một đồng nợ ngắn hạn sẽ được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng tài sản ngắn hạn.Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp bao gồm vốn bằng tiền như tiền mặt tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản tạm ứng, khoản phải thu và tồn kho [2].

Tỷ số này được xem là tốt khi lớn hơn hoặc bằng 1 vì có thể đảm bảo cho việc thanh toán nợ.

Nếu tỷ số thanh toán hiện hành giảm cho thấy khả năng thanh toán giảm và cũng là dấu hiệu báo trước những khó khăn tài chính xảy ra.

Nếu tỷ số thanh toán hiện hành cao điều đó có nghĩa là doanh nghiệp luôn sẵn sàng thanh toán các khoản nợ,tuy nhiên nếu tỷ số thanh toán hiện hành quá cao sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh vì doanh nghiệp đã đầu tư quá nhiều tài sản ngắn hạn hay nói cách khác việc quản lý tài sản ngắn hạn không hiệu quả,một doanh nghiệp nếu sự trữ nhiều hàng tồn kho thì sẽ có tỷ số thanh toán hiện hành cao ,mà hàng tồn kho là tài sản khó chuyển đổi thành tiền nhất là hàng ứ đọng.

❖ **Tỷ số thanh toán nhanh:**

Tỷ số thanh toán nhanh phản ánh khả năng thanh toán thực sự của doanh nghiệp trước những khoản nợ ngắn hạn, tỷ số này được tính dựa trên những tài sản lưu động có thể nhanh chống chuyển đổi thành tiền, không bao gồm các khoản mục hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác vì đây là tài sản khó chuyển thành tiền nhanh được [2] (trong bảng cân đối kế toán mục TSNH khác nằm sau mục hàng tồn kho).

Tỷ số thanh toán là xem xét tài sản của công ty có đủ trang trải cho các khoản nợ phải trả hay không.

$$\textbf{Tỷ số thanh toán nhanh} = \frac{\textbf{Tài sản lưu động – Hàng tồn kho-TSNH khác}}{\textbf{Nợ ngắn hạn}}$$

- Nếu tỷ số thanh toán ≥ 1 chứng tỏ khả năng thanh toán và tình hình tài chính ổn định hay khả quan.

- Nếu tỷ số thanh toán < 1 doanh nghiệp không có khả năng thanh toán, tình hình tài chính gặp khó khăn, hệ số thanh toán càng nhỏ doanh nghiệp càng mất dần khả năng thanh toán.

❖ **Tỷ số thanh toán nhanh bằng tiền mặt** : Ngoài hai chỉ tiêu trên, có thể đánh giá một cách chi tiết hơn qua hệ số thanh toán nhanh bằng tiền mặt.

$$\textbf{Tỷ số thanh toán nhanh bằng tiền mặt} = \frac{\textbf{Tiền mặt}}{\textbf{Nợ phải trả}}$$

Tỷ số này được xem là tốt khi > 1 vì có thể đảm bảo cho việc thanh toán nợ. Hệ số này phản ánh khả năng thanh toán thực sự của doanh nghiệp trước những khoản nợ ngắn hạn. Tỷ số này được tính toán dựa trên những tài sản ngắn hạn có thể nhanh chóng chuyển đổi thành tiền.

Nếu hệ số này của doanh nghiệp lớn hơn 0,5 thì tình hình thanh toán của công ty tốt, có nhiều thuận lợi trong thanh toán. Nếu hệ số này nhỏ hơn 0,5 thì tình hình thanh toán của doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn. Xong nếu hệ số này quá cao lại là

điều không tốt vì nó thể hiên việc quay vòng vốn chậm, hiệu quả sử dụng vốn không cao.

1.5.2 Phân tích tỷ số hiệu quả hoạt động

Phân tích hiệu quả hoạt động trong thực tế phân tích chủ yếu sử dụng tỷ số hoạt động còn được gọi là tỷ số quản lý tài sản hay tỷ số hiệu quả hoạt động. Nhóm tỷ số này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp [2].

Nếu doanh nghiệp đầu tư vào tài sản quá nhiều dẫn đến dư thừa tài sản và vốn hoạt động sẽ làm cho dòng tiền tự do và giá cổ phiếu giảm. Ngược lại, nếu doanh nghiệp đầu tư quá ít vào tài sản khiến cho không đủ tài sản hoạt động sẽ làm tổn hại đến khả năng sinh lời và do dó làm giảm dòng tiền tự do và giá cổ phiếu. Do vậy doanh nghiệp nên đầu tư tài sản ở mức độ hợp lý. Thế nhưng thế nào là hiệu quả? Muốn biết điều này chúng ta phân tích các tỷ số đo lường hiệu quả hoạt động của tài sản. Nhóm các tỷ số này bao gồm:

❖ **Vòng quay hàng tồn kho:**

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Tổng giá vốn hàng bán}}{\text{Bình quân giá trị tồn kho}}$$

Chỉ tiêu này cho biết bình quân hàng tồn kho quay được bao nhiêu vòng trong kỳ để tạo ra doanh thu [2].

Nếu tỷ số này quá cao, doanh thu bán hàng sẽ bị mất vì không có hàng để bán. Nếu tỷ số này quá thấp, chi phí phát sinh liên quan đến hàng tồn kho sẽ gia tăng.

Vòng quay hàng tồn kho có thể chuyển đổi sang dạng công thức căn bản trên thời gian mà được gọi là số ngày tồn kho bình quân .

$$\text{Số ngày hàng tồn kho} = \frac{\text{Số ngày trong năm (360)}}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}$$

Chỉ tiêu này cho biết bình quân tồn kho của doanh nghiệp mất hết bao nhiêu ngày. Tỷ số này đo lường tính thanh khoản của hàng tồn kho

Nếu mức độ tồn kho quản lý không hiệu quả thì chi phí lưu kho phát sinh tăng, chi phí này sẽ được chuyển sang cho khách hàng làm cho giá bán tăng.

❖ **Vòng quay khoản phải thu:**

$$\text{Vòng quay khoản phải thu} = \frac{\text{doanh thu}}{\text{bình quân khoản phải thu}}$$

Vòng quay khoản phải thu dùng để đo lường tính thanh khoản ngắn hạn cũng như hiệu quả hoạt động của công ty. Nó cho biết bình quân mất bao nhiêu ngày để doanh nghiệp có thể thu hồi được khoản phải thu [2].

Chỉ số này cao cho biết khả năng thu hồi nợ tốt, nhưng cũng cho biết chính sách bán chịu nghiêm ngặt hơn sẽ làm mất doanh thu và lợi nhuận. Chỉ số này thấp cho biết chính sách bán chịu không hiệu quả có nhiều rủi ro.

Vòng quay khoản phải thu có thể chuyển đổi sang dạng công thức căn bản trên thời gian được gọi là kỳ thu tiền bình quân

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Số ngày trong năm (360)}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

Kỳ thu tiền bình quân cho biết bình quân doanh nghiệp mất bao nhiêu ngày cho một khoản phải thu. Vòng quay khoản phải thu càng cao thì kỳ thu tiền bình quân càng thấp và ngược lại. Nguyên tắc ngón tay cái cho biết số ngày bình quân thu hồi nợ không nên vượt quá 1,5 lần cho kỳ tín dụng. Tuy nhiên vẫn có nhiều trường hợp ngoại lệ. Nếu doanh thu bán chịu không có sẵn thì việc tính toán này sẽ không có nghĩa.

❖ **Vòng quay tài sản ngắn hạn** :

$$\text{Vòng quay tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Doanh thu thuần kinh doanh}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}}$$

Tỷ số vòng quay tài sản ngắn hạn phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp. Tỷ số này cho biết mỗi đồng tài sản ngắn hạn của công ty tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu [2].

❖ **Vòng quay tài sản dài hạn**

$$\text{Vòng quay tài sản dài hạn} = \frac{\text{Doanh thu thuần kinh doanh}}{\text{Tài sản dài hạn bình quân}}$$

Tỷ số vòng quay tài sản dài hạn phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn của doanh nghiệp. Tỷ số này cho biết mỗi đồng tài sản dài hạn của công ty tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu.

❖ **Vòng quay tổng tài sản**

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần kinh doanh}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Tỷ số vòng quay tài sản dài hạn phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp nói chung. Tỷ số này cho biết mỗi đồng tài sản của công ty tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu.

1.5.3 Phân tích tỷ số quản lý nợ .

Tỷ số nợ dùng để đo lường sự góp vốn của chủ doanh nghiệp so với số nợ vay. Hệ số nợ càng thấp thì hệ số an toàn càng cao, món nợ của họ càng được bảo đảm và họ có cơ sở để tin tưởng vào sự trả nợ đúng hạn của con nợ. Khi tỷ lệ nợ cao tức là chủ doanh nghiệp chỉ góp một phần nhỏ trên tổng số vốn thì sự rủi ro trong kinh doanh được chuyển sang chủ nợ gánh chịu một phần. Đồng thời, khi tỷ số nợ cao thì chủ doanh nghiệp càng có lợi rõ rệt, vì khi đó họ chỉ bỏ ra một phần vốn nhỏ nhưng lại được sử dụng một lượng tài sản lớn và khi kinh doanh lại vốn lớn hơn do lãi suất tiền vay thì phần lợi nhuận của họ sẽ gia tăng rất nhanh. Mặt khác, khi tỷ số nợ cao thì mức độ an toàn trong kinh doanh càng kém, vì chỉ cần một khoản nợ tới hạn không trả được sẽ rất dễ làm cho cán cân thanh toán của công ty mất thăng bằng, dễ xuất hiện nguy cơ phá sản [1].

❖ **Tỷ số nợ trên tổng tài sản (D/A):**

$$\text{Tỷ số nợ trên tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ số này đo lường mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp để tài trợ cho tổng tài sản. Tổng nợ bao gồm nợ ngắn hạn và nợ dài hạn phải trả. Cả số liệu tổng nợ và

tổng tài sản đều thu thập từ bảng cân đối kế toán . Tỷ số nợ so với tài sản nói chung thường nằm trong khoảng từ 50% đến 70%.

❖ **Tỷ số nợ so với vốn chủ sỡ hữu (D/E):**

$$\text{Tỷ số nợ trên VCSH} = \frac{Tổng\ nợ}{VCSH}$$

Tỷ số này đo lường mức độ sử dụng nợ của doanh nghiệp trong mối quan hệ tương quan với mức độ sử dụng vốn chủ sở hữu. Tỷ số này thấp hơn 1 có nghĩa là doanh nghiệp hiện sử dụng nợ ít hơn là sử dụng vốn chủ sở hữu để tài trợ cho tài sản. Ngược lại, tỷ số này lớn hơn 1 có nghĩa là doanh nghiệp sử dụng nhiều nợ hơn là sử dụng vốn chủ sở hữu để tài trợ cho tài sản. Điều này khiến cho doanh nghiệp quá phụ thuộc vào nợ vay và khả năng tự chủ tài chính cũng như khả năng còn được vay nợ của doanh nghiệp thấp.

❖ **Tỷ số khả năng trả lãi:**

$$\text{Tỷ số nợ khả năng trả lãi} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Chi phí lãi vay}}$$

Tỷ số này phản ánh khả năng trang trải lãi vay của doanh nghiệp từ lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua đó, giúp đánh giá xem doanh nghiệp có khả năng trả lãi vay hay không. Điều này phụ thuộc vào khả năng sinh lợi và mức độ sử dụng nợ. Nếu khả năng sinh lợi của doanh nghiệp chỉ có giới hạn trong khi công ty sử dụng quá nhiều nợ thì tỷ số khả năng trả lãi sẽ giảm.

1.5.4 Phân tích khả năng sinh lời

Lợi nhuận là nguồn vốn quan trọng để tái sản xuất mở rộng doanh nghiệp, tạo lập các quỹ, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên. Do đó phân tích tình hình lợi nhuận của từng bộ phận và toàn doanh nghiệp, phân tích nguyên nhân và xác định mức độ ảnh hưởng của nó đến tình hình biến động của doanh nghiệp không ngừng nâng cao lợi nhuận.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ta lập bảng phân tích tình hình lợi nhuận với các tỷ số cơ bản sau:

❖ **Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu:**

$$= \frac{\text{Lợi nhuận gộp}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Tỷ số này cho biết một đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận gộp.

❖ **Tỷ số sức sinh lợi căn bản:**

$$= \frac{\text{EBIT}}{\text{Bình quân tổng tài sản}}$$

Tỷ số này phản ánh khả năng sinh lợi trước thuế và lãi của công ty . Nó cho biết bình quân cứ mỗi 1 đồng tài sản của doanh nghiệp tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế và lãi . Tỷ số này phản ánh khả năng sinh lợi căn bản chưa kể đến ảnh hưởng của thuế và đòn bẩy tài chính cho nên thường được sử dụng để so sánh khả năng sinh lợi trong trường hợp các công ty có thuế suất thuế thu nhập và mức độ sử dụng nợ rất khác nhau .

Tỷ số này cho biết một đồng doanh thu thuần tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

❖ $\text{Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA)} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$

Tỷ số này cho biết một đồng tài sản tạo ra bao nhiêu lợi nhuận sau thuế.

❖ $\text{Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH (ROE)} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế}}{\text{VCSH bình quân}}$

Tương tự tỷ số trên cho biết một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

Các tỷ số trên càng cao càng tốt, nó đánh giá tổng quát tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các tỷ số này càng lớn thì doanh nghiệp kinh doanh càng có hiệu quả; ngược lại cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, cảnh báo rủi ro tiềm ẩn, đòi hỏi doanh nghiệp phải có biện pháp khắc phục.

1.6.PHÂN TÍCH DUPONT

Phân tích Dupont là kỹ thuật phân tích bằng cách chia tỷ số ROE thành những bộ phận có liên hệ với nhau để đánh giá tác động của từng bộ phận lên kết quả cuối cùng. Kỹ thuật này thường được sử dụng bởi các nhà quản lý trong nội bộ công ty để có cái nhìn cụ thể và ra quyết định nên cải thiện tình hình tài chính của công ty bằng cách nào [3]. Kỹ thuật phân tích Dupont dựa vào phương trình căn bản dưới đây:

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuần ròng}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Bình quân tổng tài sản}} \times \frac{\text{Bình quân tổng tài sản}}{\text{Bình quân VCSH}}$$

$$ROE = ROS \times \text{Số vòng quay tài sản} \times \frac{1}{1\text{-Tỷ số nợ}}$$

Điều này nói lên rằng nhà quản trị có 3 chỉ tiêu để quản lý ROE:

ROS phản ánh tỷ trọng lợi nhuận sau thuế trong doanh thu thuần của doanh nghiệp. Khi DLDT tăng lên có nghĩa là doanh nghiệp quản lí doanh thu và quản lí chi phí có hiệu quả.

Một đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu hay gọi là **số vòng quay tài sản**.

1/(1 – Tỷ số nợ) là hệ số nhân vốn chủ sở hữu, nó phản ánh mức độ huy động vốn từ bên ngoài của doanh nghiệp. Nếu hệ số này tăng chứng tỏ doanh nghiệp tăng vốn huy động từ bên ngoài

- **ROE** của doanh nghiệp có thể phát triển lên bằng cách: sử dụng hiệu quả tài sản hiện có (gia tăng vòng quay tài sản), tăng tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, gia tăng đòn cân nợ.

1.7.MỘT SỐ CHÚ Ý KHI PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Trong phân tích BCTC, các nhà phân tích nên lưu ý:

- Những công ty hoạt động đa lĩnh vực đa ngành nghề rất khó tìm thấy chỉ số riêng của từng ngành.
- Lạm phát có thể là yếu tố làm cho bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp bị bóp méo đi đáng kể, lợi nhuận cũng bị ảnh hưởng, cần phân tích so sánh các tỷ số với các đối thủ cạnh tranh

- Yếu tố mùa vụ cũng có thể làm sai lệch các tỷ số tài chính, hiểu được yếu tố mùa vụ có thể giúp chúng ta giảm bớt sự hiểu biết sai về chỉ số tài chính.
- Các phương pháp kế toán khác nhau cũng có thể bóp méo sự so sánh giữa tỷ số các công ty với nhau thậm chí ngay trong một công ty.
- Việc so sánh giữa các tỷ số trong doanh nghiệp gặp khó khăn vì những phương pháp kế toán khác nhau. Khi doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ta phải đối phó với vấn đề tìm ra tỷ số chuẩn cho việc so sánh.
- Phải xác định được một khu vực hợp lý cho giá trị các tỷ của từng ngành. Khi tỷ số doanh nghiệp quá thấp hay quá cao so với khu vực này, chúng đều chỉ báo những vấn đề cần chú ý.
- Doanh nghiệp có thể sử dụng một số kỹ thuật để báo cáo tài chính trở nên tốt hơn so với thực trạng của nó.
- Trong một doanh nghiệp, nhiều tỷ số trông có vẻ tốt trong khi những tỷ số còn lại thì xấu. Để đánh giá được tác động của toàn bộ tỷ số này là điều không dễ dàng. Nhiều ngân hàng và tổ chức tài chính đôi lúc phải sử dụng phương pháp thống kê trong việc xếp loại doanh nghiệp.
- Các tỷ số được tính toán từ những số liệu trên BCTC. Do vậy, chất lượng của BCTC tác động mạnh đến kết quả phân tích [2].

Trên đây là những cơ sở lý luận về phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp được áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp nói chung khi tiến hành phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên tùy thuộc vào đặc điểm và yêu cầu sản xuất kinh doanh cũng như thông tin mà người sử dụng muốn có dựa vào thực tế hoạt động của mỗi doanh nghiệp mà người phân tích có thể có những chỉ tiêu phân tích khác nhau.

Xem thêm Kho 95 bài ==> **Báo cáo thực tập tài chính doanh nghiệp**

https://baocaothuctap.net/bao-cao-thuc-tap-tai-chinh-doanh-nghiep/

CHƯƠNG 2
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN THANH TRÍ

2.1 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN THANH TRÍ

2.1.1 Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty TNHH tư vấn kế toán Thanh Trí

- Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN – KẾ TOÁN THANH TRÍ**
- Tên viết tắt : THANH TRI CO.,LTD
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0302683754 cấp ngày 20/06/2002 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP.HCM cấp.
- Địa chỉ: Biệt thự A21 Cư xá Lam Sơn, đường Nguyễn Oanh, P.17, Q. Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 6258 6613
- Fax: (08) 6258 2980
- Email: thanhtriketoan@gmail.com
- Mã số thuế: 0302683754

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Thanh Trí do ông Lưu Công Thành là người đại diện pháp luật của doanh nghiệp. Được thành lập từ năm 2002 do phòng đăng kí kinh doanh Sở kế hoạch – Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 20/06/2002. Lúc mới đi vào hoạt động, Công ty chỉ có 13 nhân viên với công việc chủ yếu là làm dịch vụ kế toán, đến nay sau hơn 10 năm hoạt động số nhân viên của công ty là hơn 95 người và mở rộng hoạt động các lĩnh vực tư vấn thuế, dịch vụ thành lập doanh

nghiệp, thay đổi giấy phép kinh doanh, đào tạo kế toán tổng hợp. Bên cạnh đó, công ty còn kinh doanh mua bán máy vi tính và các thiết bị văn phòng.

Công ty hiện có 1 trụ sở chính và 5 chi nhánh hoạt động khắp địa bàn TP. Hồ Chí Minh:

+ Cơ sở chính: Biệt thự A21 Cư xá Lam Sơn, đường Nguyễn Oanh, P.17, Q. Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

+ Chi nhánh văn phòng tại: 376 Trường Chinh, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM

+ Chi nhánh văn phòng tại: 139 Chu Văn An, phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

+ Chi nhánh văn phòng tại: 1030/8 Võ Văn Kiệt, Phường 6, Quận 5, TP. HCM

+ Chi nhánh văn phòng tại: 22/6A Lưu Thị Huỳnh, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

+ Chi nhánh văn phòng tại: 207/15 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Công ty TNHH Tư vấn kế toán Thanh Trí là một trong số rất ít Công ty chuyên cung cấp dịch vụ kế toán tại Tp.HCM. Công ty đầu tiên xây dựng hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ kế toán cung cấp cho khách hàng tại TP Hồ Chí Minh. Quy trình dịch vụ, các mẫu biểu liên quan... Từ khi thành lập cho đến nay Công ty không ngừng phát triển lớn mạnh, không chỉ số lượng khách hàng, nhân viên Công ty mà còn phát triển về chiều sâu liên quan đến chất lượng báo cáo tài chính, thuế mà Công ty lập ra cho khách hàng và công chúng, tạo dựng lòng tin vững chắc không chỉ với khách hàng, các bên liên quan đến báo cáo mà còn cả với cơ quan quản lý nhà nước. Công ty đã qua 24 lần kiểm tra chất lượng dịch vụ kế toán cung cấp cho khách hàng. Với mong muốn phát triển Công ty trở thành một thương hiệu kế toán lớn, mạnh có uy tín nhất TP. HCM, công ty kế toán Thanh Trí không ngần ngại phấn đấu về mặt chuyên môn, đào tạo nhân lực, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật

chất, phần mềm quản lý, mở rộng thị trường dịch vụ trong TP HCM mà còn mở rộng đầu tư vào các tỉnh miền nam và xa hơn nữa là toàn lãnh thổ Việt Nam [6].

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ hoạt động

2.1.2.1 Chức năng

- Dịch vụ tư vấn thuế, báo cáo thuế, làm sổ sách, quyết toán thuế , báo cáo tài chính
- Kiểm toán cho các doanh nghiệp
- Tư vấn tổ chức bộ máy kế toán phù hợp từng loại hình doanh nghiệp
- Tư vấn soạn thảo hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, tiền lương, Bảo Hiểm Xã hội - Y Tế, thành lập công đoàn
- Dịch vụ thành lập công ty, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh
- Dịch vụ đăng ký sỡ hữu trí tuệ- thương mại , các dịch vụ pháp lý liên quan đến doanh nghiệp.
- Cung cấp phần mềm kế toán
- Đào tạo kế toán tổng hợp
- Cung cấp các nghị định, thông tư, văn bản về thuế- kế toán- kiểm toán
- Mua bán máy vi tính, thiết bị văn phòng

2.1.2.2 Nhiệm vụ

- Cung cấp dịch vụ tư vấn thuế - kế toán, kiểm toán chuyên nghiệp cho các khách hàng
- Phổ biến các chính sách, thông tư, nghị định, văn bản thuế … cho các khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán từ đó tạo sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động

2.1.3 Cơ cấu tổ chức của công ty

Bộ máy quản lý của công ty với cơ cấu đơn giản gọn nhẹ phù hợp với trình độ năng lực, cán bộ có kinh nghiệm trong công tác quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.

Công ty thực hiện chế độ một Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp. Bộ phận giúp việc cho Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo công việc, đề xuất những vấn đề có liên quan đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, từng cá nhân chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc của mình [6].

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty TNHH Tư Vấn – Kế Toán Thanh Trí

XEM CÁC MẪU SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TẠI:

https://baocaothuctap.net/so-do-to-chuc/

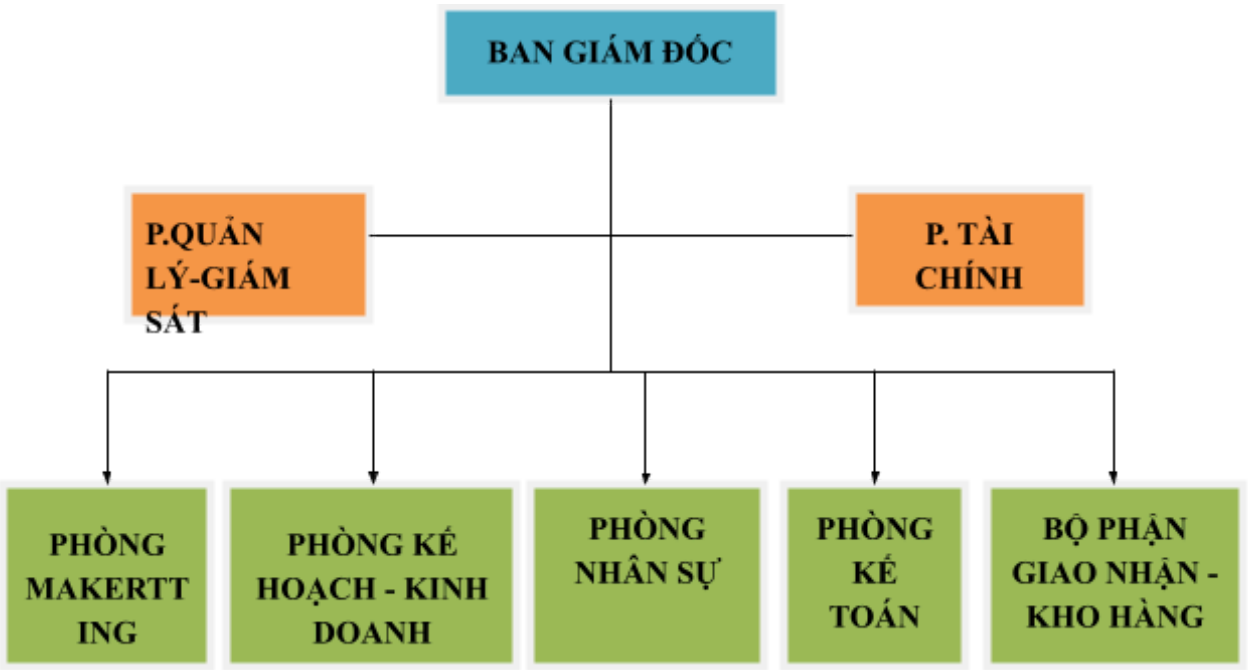

Sự phân bổ nhân sự tại các phòng ban:

- Phòng Nhân sự: 1 Phó giám đốc - 7 Nhân viên.
- Phòng Tài chính: 1 Phó giám đốc tài chính – 19 nhân viên tài chính
- Phòng Kế hoạch- kinh doanh: 1 Trưởng phòng - 8 nhân viên
- Phòng Marketting: 1 Trưởng phòng- 3 nhân viên
- Phòng Kế toán: 1 Kế toán trưởng – 13 kế toán viên
- Bộ phận quản lý và giám sát: 1 Trưởng bộ phận – 5 giám sát viên
- Phàng giao nhận: 1 quản lý – 4 nhân viên

- Ngoài ra công ty còn sự phân bổ nhân sự tham gia công tác giảng dạy, đào tạo kế toán thực tế tại các chi nhánh khác hơn 50 nhân viên.

Chức năng các phòng ban:

+ ***Ban Giám đốc***: là phòng có quyền lực cao nhất và chịu trách nhiệm cao nhất trước cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác. Giám đốc tổ chức quản lý một cách tổng quan mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đàm phán và ký kết các hợp đồng mua bán của công ty. Giám Đốc nắm toàn bộ hoạt động của công ty thông qua báo cáo trực tiếp từ Bộ phận Giám Sát và PGĐ Tài chính

+ ***Phòng nhân sự***: Chịu trách nhiệm về việc tuyển dụng và bố trí nhân sự cho phù hợp với khả năng trình độ, năng lực và nhu cầu công việc cụ thể. Thực hiện đúng quyền hạn và chịu trách nhiệm báo cáo trước giám đốc về tình hình tuyển dụng và phân bổ nhân sự tại các phòng ban trong công ty và các chi nhánh của công ty

+ ***Phòng tài chính***: Đảm nhận toàn bộ việc phân tích, thiết lập báo cáo tài chính công ty. Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc Công ty trong việc quản lý tài sản, nguồn vốn, kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích tình hình tài chính định kì tháng, quý, năm của công ty dựa trên các số liệu cung cấp từ bộ phận kế toán và các bộ phận kinh tế liên quan trong Công ty. Tham mưu và trực tiếp chỉ đạo hệ thống tài chính, bộ phận phòng kế toán, các cán bộ liên quan đến kinh tế và tài chính và quản lý các nguồn vốn kinh doanh. Tham mưu giúp việc trong việc điều hành xác định các kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ ***Phòng Kế hoạch - Kinh doanh:*** Hoạch định chiến lược kinh doanh, tìm kiếm đối tác, tham mưu, kiến nghị và đề xuất với Giám đốc những thị trường tìm năng nhất. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám Đốc, phòng này thực hiện toàn bộ công việc kinh doanh, tìm kiếm đối tác, tổ chức mua bán hàng hóa.

+ ***Phòng Marketting***: Đây là bộ phận hỗ trợ cho phòng Kế hoạch- kinh doanh và ban Giám Đốc trong việc nghiên cứu thị trường, phát triển và mở rộng thị trường có tiềm năng tốt, phát triển khách hàng mới.

+ ***Phòng Kế toán***:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám Đốc, và quản lý trực tiếp của PGĐ Tài Chính, phòng kế toán có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ nhiệm vụ có liên quan đến công tác kế toán tài chính. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về kế toán tài chính theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế, quy định và quy trình của Công ty. Tổng hợp số liệu kế toán và thực hiện các báo cáo tài chính định kỳ,đột xuất theo quy định và yêu cầu. Lưu trữ hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán theo Quy định. Cuối mỗi tháng, mỗi quý phòng kế toán báo cáo cho giám đốc kết quả kinh doanh đồng thời lập các báo cáo tài chính để nộp cho cơ quan nhà nước.

- Ngoài ra, phòng kế toán có trách nhiêm Tham mưu giúp Giám đốc dưới sự quản lý, đôn đốc của PGĐ Tài Chính trong việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, báo cáo tài chính công ty, kiểm soát tài chính kế toán tại công ty. Thực hiện chức năng kiểm soát tài chính, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn do công ty huy động.

+ ***Bộ phận quản lý- giám sát***: Bộ phận này hỗ trợ cho Giám đốc việc theo dõi và giám sát, đôn đốc công việc phòng ban và hoạt động tại các chi nhánh của công ty. Ngoài ra bộ phận này còn đề xuất với giám đốc khen thưởng những bộ phận, cá nhân hoàn thành tốt công việc cũng như xử phạt khi không hoàn thành công việc được giao.

+ ***Bộ phận giao nhận***: thực hiện việc giao nhận, tổ chức quản lý hàng tồn kho.

*** <u>Thực hiện xây dựng các chiến lược phát triển của công ty</u>:**

- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng quy mô sang các tỉnh miền Nam và khu vực miền Bắc

- Chuyên nghiệp hóa và am hiểu về hoạt động kinh doanh của khách hàng.

- Tạo môi trường làm việc năng động và chuyên nghiệp, chính sách phát triển nguồn nhân lực hợp lý, khuyến khích phát triển tài năng và thu hút nhân tài.

- Hướng tới sự phát triển an toàn, ổn định và bền vững.

- Thanh Trí mong muốn trở thành một hãng cung cấp dịch vụ kế toán chuyên nghiệp điển hình ở Việt Nam, giàu mạnh bằng năng lực làm việc và khả năng cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tốt nhất tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần [6].

2.1.4 Tình hình hoạt động chung của công ty

Bảng 2.1: Tổng quát hiệu quả kinh doanh của công ty

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu			
Chi phí			
Lợi nhuận sau thuế			

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

2.2 PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN THANH TRÍ

2.2.1 Đánh giá khái quát tình hình tài chính

Bảng 2.2: Bảng so sánh tài sản, nguồn vốn giữa các năm 2019, 2020, 2021

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021

	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Tăng so với năm 2019	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Tăng so với năm 2020
TỔNG TÀI SẢN								
A.TSNH								
B.TSDH								
TỔNG NGUỒN VỐN								
A.Nợ phải trả								
B.VCSH								

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

❖ Phân tích cơ cấu tài sản:

Dựa vào bảng cân đối kế toán ta lập bảng phân tích cơ cấu tài sản của công ty qua các năm 2019, 2020, 2021

Bảng 2.3: Bảng phân tích cơ cấu tài sản

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)
A. TSNH						

I.Tiền và các khoản tương đương tiền						
II.Các khoản phải thu ngắn hạn						
III.Hàng tồn kho						
IV.Tài sản ngắn hạn khác						
B. TSDH						
I. Tài sản cố định						
II. Tài sản dài hạn khác						
TỔNG TÀI SẢN						

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

- Đối với tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn:

Ta lập bảng phân tích cơ cấu tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn:

Bảng 2.4: Bảng phân tích cơ cấu TSLĐ và đầu tư ngắn hạn

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	**Năm 2019**		**Năm 2020**			**Năm 2021**		
	Số tuyệt đối	**Tỷ trọng (%)**	**Số tuyệt đối**	**Tỷ trọng (%)**	**Tăng so với năm 2019(%)**	**Số tuyệt đối**	**Tỷ trọng (%)**	**Tăng so với năm 2020(%)**
A.TSNH								
I. Tiền và các khoản tương đương tiền								
II. Các khoản phải thu ngắn hạn								
III. Hàng tồn kho								

IV.TSNH khác								

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

- Đối với tài sản cố định và đầu tư dài hạn:

Bảng 2.5: Bảng phân tích tài sản cố định và đầu tư dài hạn

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	**Năm 2019**		**Năm 2020**			**Năm 2021**		
	Số tuyệt đối	**Tỷ trọng (%)**	**Số tuyệt đối**	**Tỷ trọng (%)**	**Tăng so với năm 2019 (%)**	**Số tuyệt đối**	**Tỷ trọng (%)**	**Tăng so với năm 2020 (%)**
I.TSCĐ								
TSCĐ hữu hình								
II.TSDH khác								
TSDH								

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

Biểu đồ 2.1: Biểu đồ cơ cấu và tăng trưởng tài sản công ty

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

Một công ty có tình trạng tài chính tốt không chỉ có kết cấu tài sản hợp lý mà còn phải có nguồn vốn hình thành nên tài sản đó dồi dào, hợp pháp và cũng có kết cấu thích hợp. Do đó để kết luận chính xác hơn về thực trạng tài chính của công ty chúng ta đi vào phân tích cơ cấu nguồn vốn.

Phân tích cơ cấu nguồn vốn

Dựa vào bảng cân đối kế toán ta lập bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn công ty:

Bảng 2.6: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn của công ty

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020			Năm 2021		
	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Tăng so với 2019 (%)	Số tuyệt đối	Tỷ trọng (%)	Tăng so với năm 2020 (%)
A.Nợ phải trả								

I.Nợ ngắn hạn								
1.Vay và nợ ngắn hạn								
2.Phải trả người bán								
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước								
4.Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác								
II. Nợ dài hạn								
B.VCSH								
I.VCSH								
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu								
2.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối								
II.NV kinh phí và quỹ khác								
TỔNG NV								

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

Sau đây là biểu đồ khái quát cơ cấu và tình hình tăng trưởng của công ty.

Biểu đồ 2.2: Biểu đồ cơ cấu và tăng trưởng nguồn vốn công ty

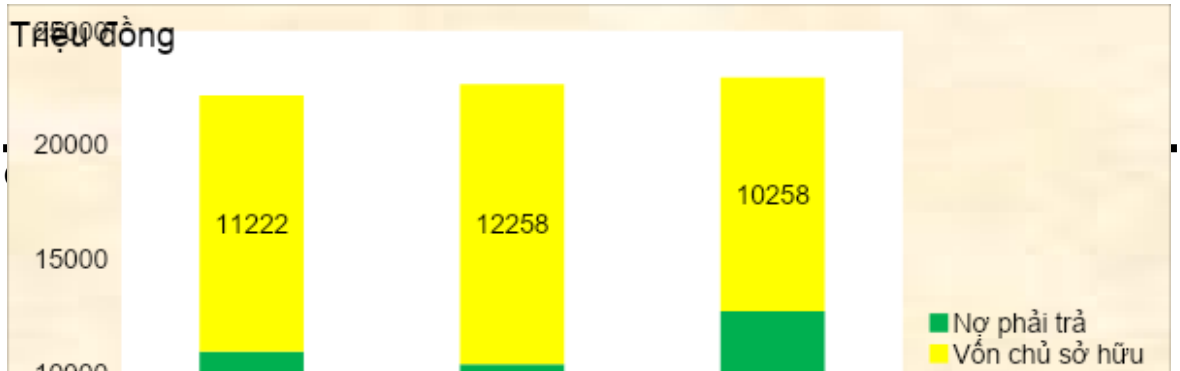

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

Nhìn vào bảng kết cấu nguồn vốn của công ty ta thấy tương đối ổn định, tuy nhiên năm 2021 nợ phải trả tăng cao hơn trước nên công ty cần xem xét nguyên nhân xem có phù hợp với đặc điểm của công ty.

2.2.1.2 Phân tích khái quát bảng kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 2.8: Phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh

(ĐVT: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2020	Tăng so với 2019		Năm 2021	Tăng so với 2020	
			(+/-)	(%)		(+/-)	(%)
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
1.1.DT bán hàng kim khí điện máy							
1.2.DT dịch vụ kế toán							
2.Các khoản giảm trừ doanh thu							
3.DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ							
4. Giá vốn hàng bán							
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ							
6.Doanh thu hoạt động tài chính							
7.Chi phí tài chính							
Trong đó:Chi phí lãi vay							
8.Chi phí bán hàng							
9.Chi phí QLDN							

10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:							
11.Thu nhập khác							
12.Chi phí khác							
13.Lợi nhuận khác							
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế							
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành							
16.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Tư vấn- Kế toán Thanh Trí)[5]

Nhận xét

2.2.2.4 Phân tích khả năng sinh lời

Bảng 2.16: Bảng phân tích tình hình lợi nhuận

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế			
Doanh thu thuần			

Tổng tài sản bình quân			
Vốn chủ sở hữu bình quân			
ROS (%)			
ROA (%)			
ROE (%)			

(Nguồn Báo cáo tài chính của công ty Tư vấn Kế toán Thanh Trí)[5]

Để thấy rõ hơn ta có thể xem qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 2.5: Biểu đồ đánh giá tình hình lợi nhuận công ty

(Nguồn Báo cáo tài chính của công ty Tư vấn Kế toán Thanh Trí)[5]

2.2.2.5. Phân tích Dupont

Sơ đồ Dupont được thiết lập từ ROE: tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu, thể hiện mối quan hệ của các tỷ số tài chính.

$$\textbf{ROE} = \textbf{ROS} * \textbf{Vòng quay TS} * \frac{1}{1 - \textbf{Tỷ số nợ}}$$

Điều này nói lên rằng nhà quản trị có 3 chỉ tiêu để quản lí ROE:

- ROE của doanh nghiệp có thể phát triển lên bằng cách: sử dụng hiệu quả tài sản hiện có (gia tăng vòng quay tài sản), tăng tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS), gia tăng đòn cân nợ.

Bảng 2.17: Phân tích các nhân tố tác động đến ROE

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Chênh lệch (%)	
				2020-2019	2021-2020
ROS(%)					
Vòng quay tài sản (vòng)					
Hệ số nhân VCSH					
ROE(%)					

(Nguồn Báo cáo tài chính của công ty Tư vấn Kế toán Thanh Trí)[5]

2.3 NHẬN XÉT CHUNG

2.3.1 Ưu điểm

2.3.2 Hạn chế

Biểu đồ 2.6: Biểu đồ cơ cấu doanh thu qua các năm

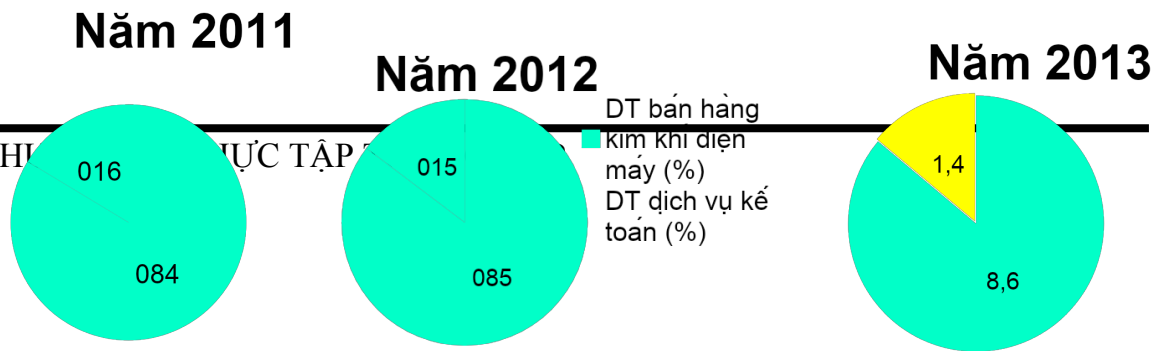

(Nguồn Báo cáo tài chính của công ty Tư vấn Kế toán Thanh Trí)[5]

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - KẾ TOÁN THANH TRÍ

3.1 VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH

3.2 . GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

3.2.1 Về tình hình đầu tư

KẾT LUẬN

THAM KHẢO 10 MẪU KẾT LUẬN ĐỀ TÀI NÀY TẠI:

https://baocaothuctap.net/ket-luan-trong-bao-cao-thuc-tap-tai-chinh/

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THAM KHẢO MẪU TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỀ TÀI NÀY TẠI:

https://baocaothuctap.net/danh-muc-tai-lieu-tham-khao-bao-cao-thuc-tap/